THÀNH PHỐ NHƯ MỘT DIỄN NGÔN: SỰ KIẾN TẠO KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ TRONG *THỊ DÂN TIỂU THUYẾT* CỦA NGUYỄN VIỆT HÀ

Trần Minh Tùng
Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Tóm tắt: *Bài viết nghiên cứu tác phẩm "Thị dân tiểu thuyết" của Nguyễn Việt Hà từ góc độ diễn ngôn, kết hợp phân tích diễn ngôn với khái niệm "heterotopia" của Michel Foucault, nhằm làm nổi bật cách thức thị dân và không gian đô thị được kiến tạo trong văn bản văn học. Qua hai luận điểm chính, thị dân như một chủ thể năng động trong không gian đô thị và thành phố như một không gian dị biệt trong quá trình kiến tạo diễn ngôn, bài viết làm rõ sự vận động phức hợp giữa các cấu trúc quyền lực, ký ức và quá trình kiến tạo cũng như tự diễn giải của chủ thể. Từ đó, bài viết chỉ ra cách Nguyễn Việt Hà triển khai một diễn ngôn tái kiến tạo ý niệm về Hà Nội trong tâm thức thị dân. Tiểu thuyết vì vậy được tiếp cận như một không gian diễn ngôn, nơi ký ức, lịch sử, quyền lực và bản sắc không ngừng được diễn giải và tái cấu trúc.*
Từ khoá: *Không gian, thành phố, diễn ngôn, heterotopia, thị dân, Thị dân tiểu thuyết, Nguyễn Việt Hà.*

Nhận bài ngày 28.3.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 25.07.2025
Liên hệ tác giả: Trần Minh Tùng; Email: minhtung.clck59.601@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiểu thuyết đô thị trong văn học Việt Nam đương đại ngày càng hiện diện phong phú và đa dạng, nổi bật với việc khắc họa đời sống thị dân và phản ánh những biến đổi sâu sắc trong cấu trúc xã hội cũng như ý thức cá nhân dưới tác động của quá trình đô thị hóa. Trong dòng chảy này, Nguyễn Việt Hà là một trong những tác giả tiêu biểu, với sở trường ở thể loại tiểu thuyết, đã để lại những dấu ấn đặc sắc trong việc khám phá đời sống đô thị, thể hiện những quan sát và suy tư có chiều sâu về con người thị dân trong mối quan hệ phức tạp với không gian sống. Dưới góc độ phân tích diễn ngôn, bài viết tập trung nghiên cứu *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà, nhằm góp phần làm sáng tỏ cách tác phẩm kiến tạo diễn ngôn về không gian đô thị như một không gian cởi mở, linh động, trong đó hình tượng thị dân vừa hiện lên như một chủ thể tích cực kiến tạo ý nghĩa cho không gian sống, vừa như một đối tượng bị diễn giải và định hình trong chính không gian đô thị ấy, qua đó nhìn thấy quan niệm nghệ thuật của tác giả về không gian đô thị.

Diễn ngôn là một khái niệm liên ngành, khái niệm này không được xây dựng nền tảng trong một hệ thống lí thuyết tổng thể đã hoàn thiện, mà chỉ là một yếu tố trong tổng thể công trình tư tưởng của M. Foucault. Diễn ngôn được nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực như ngôn ngữ học, ngôn ngữ học phê phán và tâm lý học xã hội. Do đó, đây là khái niệm linh hoạt khi vận dụng để quan sát những hiện tượng xã hội. Một trong những cách tiếp cận hiệu quả nhất để hiểu về diễn ngôn, không phải xem nó như một tập hợp các kí hiệu hay một chuỗi văn bản như cách tiếp cận ngôn ngữ học, mà như M. Foucault quan niệm, là "*thực hành tạo thành một cách hệ thống các đối tượng mà chúng đề cập đến*" (dẫn theo S. Mills) [4; tr.17]. Theo nghĩa này, diễn ngôn không được quan niệm như một hiện tượng tồn tại độc lập và có thể được phân tích trong trạng thái rời rạc, mà diễn ngôn luôn mang tính xã hội.

Một cấu trúc diễn ngôn có thể được nhận diện thông qua tính hệ thống của các ý tưởng, quan điểm, khái niệm, cách tư duy, hành vi được hình thành trong một ngữ cảnh cụ thể, cũng như qua những quy tắc điều phối mà nhờ nó các tư duy và hành vi ấy được hình thành. Khi suy nghĩ về diễn ngôn dưới góc nhìn của những quy tắc, hay những hệ quả mà quy tắc ấy tạo ra, cần xem xét đến các

yếu tố như chân lí, quyền lực và tri thức, bởi chính nhờ các yếu tố này mà diễn ngôn mới có sự tác động. Với Foucault, chân lí không phải điều vốn có trong phát ngôn hay nhận thức về đời sống, ông coi đó là một dạng "bạo lực" với đời sống: "*Chân lí thuộc về thế giới; nó được sản sinh ra trong đó bởi nhiều dạng cưỡng bức khác nhau… Mỗi xã hội đều có một chế độ chân lí mang tính phổ quát: tức là các loại diễn ngôn mà xã hội chứa đựng và khiến chúng vận hành như là chân lí; các cơ chế cho phép phân biệt phát ngôn là đúng hay sai; cách thức mỗi loại được thừa nhận; các kĩ thuật và biện pháp được đề cao trong khám phá chân lí; địa vị của những người có quyền phát ngôn điều gì được xem là đúng*" (dẫn theo S. Mills) [4; tr.18]. Từ quan niệm này của Foucault, có thể thấy diễn ngôn về thành phố cần được đặt trong mối quan hệ giữa tri thức và quyền lực, trong đó chủ thể thị dân không chỉ là người quan sát, sống trong thành phố, mà còn là người tham gia vào quá trình định nghĩa, sắp xếp, điều tiết các ý nghĩa gắn liền với không gian đô thị.

Sáng tác của Nguyễn Việt Hà là hiện tượng nổi bật viết về đề tài tôn giáo và đô thị trong văn học Việt Nam đương đại, có thể kể đến như *Giọng của phố*, *Cơ hội của Chúa*, *Con giai phố cổ*, *Khải huyền muộn*,... mà trong đó, hình tượng thị dân thường đóng vai trò quan trọng. Nối tiếp mạch sáng tác này, *Thị dân tiểu thuyết* khai thác đề tài đô thị và thị dân. Tác phẩm không chỉ nói về những nhân vật rất cụ thể là các cá nhân sống trong một khu phố như Tùng, ông Lâm hay những thị dân, mà thực tế là một nỗ lực sáng tạo nhằm mang đến cái nhìn bao quát về một khu vực trong đô thị Hà Nội qua tiến trình thời gian. Đô thị là hình tượng trung tâm của tiểu thuyết, được khắc hoạ tinh thần từ hình tượng cổ xưa, đến Thăng Long - Kẻ Chợ, rồi Hà Nội thuộc địa - hậu thuộc địa, cho đến những dự cảm về tương lai, được đặt trong những mối quan hệ phức tạp của kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội,... Tất cả được thâu tóm bằng tư duy tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà. Các sáng tác của Nguyễn Việt Hà đã nhận được sự quan tâm của cả độc giả và giới phê bình, nghiên cứu, trở thành một hiện tượng sống động của văn học đô thị Việt Nam. Các hướng nghiên cứu chủ yếu về sáng tác của ông hiện nay có thể kể đến như hướng nghiên cứu tiểu thuyết từ góc nhìn nhân học đô thị, từ điểm nhìn thi pháp học và tư duy tiểu thuyết như các nghiên cứu của Đinh Thị Thu Huyền, Lê Thị Loan,... Các hướng nghiên cứu này có sự gặp gỡ nhất định với các hướng nghiên cứu nhìn từ cảm quan đô thị, mối quan hệ giữa nhà văn và đô thị của Đoàn Ánh Dương, Phùng Ngọc Kiên, Nguyễn Đình Doanh hay hướng nghiên cứu diễn ngôn đô thị của Trần Văn Toàn.

Kế thừa và nối tiếp các hướng nghiên cứu trên, việc nghiên cứu *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà từ lí thuyết diễn ngôn không chỉ nhằm khảo sát một tác phẩm văn học đô thị, mà còn là cơ hội để phân tích cách tiểu thuyết này kiến tạo nên một không gian đô thị như một thực thể diễn ngôn, nơi hình tượng thị dân vừa là chủ thể kiến tạo ý nghĩa, vừa là đối tượng bị kiến tạo trong mạng lưới quyền lực - tri thức của xã hội đô thị đương đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Thị dân như chủ thể động trong không gian đô thị

2.1.1. Thị dân và quá trình diễn giải trong đô thị

Trong nghiên cứu diễn ngôn về đô thị Hà Nội trong văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX, Trần Văn Toàn đã phân tích và chứng minh đô thị trong văn học không bao giờ là một đối tượng đơn lập, mà luôn chịu sự diễn giải, luôn được cắt nghĩa, tồn tại "*xung đột giữa văn minh và văn hoá*" [7; tr.337], được tạo dựng như là nơi "*hình thành một ranh giới giữa trung tâm và ngoại vi*" [7; tr.339]. Ý tưởng về đô thị như một đối tượng luôn trong tình trạng bị diễn giải bởi chủ thể thị dân đã được M. Foucault đề cập đến trong bài luận *Of other spaces*: "*Và có thể, đời sống của chúng ta vẫn còn bị chi phối bởi một số cặp đối lập mà ta xem là bất khả xâm phạm, những đối lập mà các thiết chế và thực hành của chúng ta vẫn chưa dám phá vỡ. Đó là những đối lập mà chúng ta coi là điều hiển nhiên: chẳng hạn như giữa không gian riêng tư và không gian công cộng, giữa không gian gia đình và không gian xã hội, giữa không gian văn hoá và không gian chức năng, giữa không gian giải trí và không gian lao động. Tất cả những đối lập ấy vẫn được nuôi dưỡng bởi sự hiện diện tiềm ẩn của tính thiêng. Công trình đồ sộ của Bachelard cùng với các mô tả của các nhà hiện tượng học đã dạy chúng ta rằng ta không sống trong một không gian đồng chất và trống rỗng, mà ngược lại, trong một không gian thấm đẫm các đại lượng và có lẽ cả những tưởng tượng*." [3; tr.23]. Trong cách cắt nghĩa của Foucault, thị dân, chủ thể sống trong không gian đô thị, có khả năng diễn giải và tái tạo không gian sống, chủ động diễn giải đô thị thành "*một mạng lưới các quan hệ, nơi hình thành nên những địa điểm vốn không thể quy giản vào nhau và hoàn toàn không thể chồng lắp lên nhau*" [3; tr.23]. Quá trình diễn giải trong không gian đô thị là cách con người chủ thể thị dân ấy kiến tạo ý

nghĩa riêng cho không gian sống của bản thân, với "*các đại lượng*" và "*những tưởng tượng*", theo cách nói của Foucault. Thông qua quá trình diễn giải ấy, không gian đô thị được thể hiện với tư cách không chỉ là một không gian thuần tuý vật lý, mà là kết quả của các lớp diễn ngôn, kí ức, quyền lực, ý thức cá nhân và cộng đồng.

Hà Nội trong tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà không phải một thành phố - thực thể tĩnh, mà luôn được chi phối bởi cái nhìn chủ quan và các diễn ngôn, điều hướng của tầng lớp thị dân. Thị dân không đơn thuần tiếp nhận giá trị có sẵn mà luôn điều chỉnh ý nghĩa của chúng. Quá trình tạo lập diễn ngôn này, trước hết, đó là tư duy về không gian và thời gian sống của bản thân thị dân. Từ đầu tiểu thuyết, không gian phố đã hiện lên với chiều sâu của thời gian và sự diễn giải mang màu sắc huyền thoại về không gian: phố từng có núi. Tư duy thị dân luôn kiến tạo không gian sống của mình như một không gian đầy giá trị, ít nhất là trong quá khứ: câu chuyện về loài hoa bạch bạch độc nhất "*chỉ nở khi phố sinh quý nhân*" [6; tr.151] như biểu tượng cho phần hồn cốt sâu sắc nhất, tinh thần khái quát nhất của đời sống thị dân cũ, giúp các mối quan hệ xóm làng được điều hòa bởi một hệ giá trị mang tính biểu tượng. Diễn giải và kiến tạo không gian đô thị là quá trình liên tục lựa chọn và điều chỉnh ý nghĩa của thị dân. Không gian phố từng là không gian yên tĩnh: miếu cô Hai, đền Bạch Vân, chỉ đến khi có những kiến tạo không gian thuộc địa chen vào như mấy quán cà phê quanh khách sạn Metropole mới có sự xao động. Từ một không gian thuần tuý mang màu sắc huyền thoại, diễn ngôn về phố dần thay đổi, không ngừng điều chỉnh và tái diễn giải các giá trị truyền thống. Không gian phố có thêm những công trình mới, nhưng vẫn được chấp nhận vì mang tính hoà giải, "*toà nhà thờ mới dựng ở phố đậm nét Opus Francigenum, nhưng vì nó nhỏ nên từa tựa như một ngôi đền Á Đông*" [6; tr.167], hay như những bức tranh nhập từ Paris hoà phối với câu đối mang màu sắc truyền thống. Không gian Hà Nội trong tiểu thuyết từng đối diện với sự xâm thực công khai của thực dân, kèm theo đó là những giá trị mới. Những nhà thờ bắt đầu xuất hiện bên cạnh chùa và đền, thậm chí chiếm đoạt không gian truyền thống, khiến cho thị dân từng phản ứng dữ dội "*kéo đến đầy chùa Thạch Bà ủng hộ cụ hoà thượng trụ trì tuyệt thực*" [6; tr.35], nhưng cũng rất nhanh, những chủ thể ấy diễn giải và cấu trúc lại diễn ngôn, thay vì bài trừ, đã chấp nhận sự hoà giải "*chấp nhận ngõ Ông mang tên cố Lan*" [6; tr.169].

Thông qua sự mô tả lại quá trình diễn giải và kiến tạo ý nghĩa đô thị của tầng lớp thị dân, có thể thấy rằng: thị dân tạo lập những diễn ngôn về đô thị là tổng hoà của những thực hành xã hội, liên tục xây dựng, thay đổi, bồi tụ cho đô thị ý nghĩa. Thị dân cùng với bối cảnh lịch sử xã hội, cùng với chính đối tượng là đô thị, đã trở thành "*một bộ máy phức tạp để sản xuất những diễn ngôn*" [5; tr.109]. Diễn ngôn về đô thị mà thị dân xây dựng không chỉ là những lời nói, nhận định nhận xét về không gian, mà luôn bao hàm trong đó toàn bộ những hành động thực tiễn và quy tắc hành xử. Không gian phố không đơn thuần là các địa điểm vật lí như miếu, đền, nhà thờ, khách sạn,... mà là kết quả của quá trình suy tư, diễn giải và tái tạo lại nhận thức của thị dân. Hình ảnh "*phố từng có núi*" hay "*hoa bạch bạch chỉ nở khi phố sinh quý nhân*" trong tư duy tiểu thuyết chắc chắn không chỉ là sự miêu tả về đô thị cổ, mà là những hình thức huyền thoại của một sản phẩm được sinh ra từ quá trình trải nghiệm và ghi nhớ lịch sử của lớp thị dân cũ, giúp hình thành nên một không gian mang giá trị cảm xúc, khơi gợi hoài niệm và nhấn mạnh vào tính chất đặc biệt cũng như ánh nhìn ngưỡng mộ về văn hoá trong quá khứ. Foucault khẳng định diễn ngôn là công cụ sản sinh ra tri thức cũng như định hình quyền lực, như trong *Giám sát và trừng phạt*, ông lập luận rằng quá trình định hình diễn ngôn luật pháp thực tế là sự sản xuất tri thức về hành vi phạm tội cùng quá trình lên ngôi của giai cấp tư sản, mà ông gọi đó là "*giữa siêu quyền lực và quyền lực cấp thấp, có cả một mạng lưới quan hệ đã được kết nối*" [1; tr.119]. Đặt vào bối cảnh diễn ngôn về đô thị mà thị dân kiến tạo trong tiểu thuyết, giá trị truyền thống của đô thị cổ Hà Nội không tự nhiên tồn tại, cũng không phải được sinh ra một cách yên bình, mà được kiến tạo từ trong một quá trình đấu tranh, cả ngầm ẩn lẫn công khai. Khi các giá trị mới của văn hoá thực dân xâm thực vào, thị dân phản kháng những diễn ngôn mới, nhưng không đơn thuần là sự chịu đựng, mà đã có những hành vi thích ứng, tái cấu trúc và tái diễn giải những giá trị cũ. Quá trình chấp nhận hoà giải đó thể hiện từ những tiểu tiết nhỏ nhất như hình dáng của ngôi kiến trúc phương Tây mang màu sắc Đông phương, cho đến việc chấp nhận tên một vị cố đạo được đặt thành tên gọi cho một con ngõ, đều thể hiện sự chuyển hoá rất tinh vi và chậm rãi. Đó là minh chứng cho quá trình thị dân tự điều chỉnh, tạo nên một diễn ngôn sống động, phản ánh mối liên hệ phức tạp, không chỉ là kẻ thù mà còn là một đối tượng cần chung sống giữa các lực lượng quyền lực khác nhau (thị dân, thực dân, các giáo phẩm) trong xã hội. Sự chấp nhận